

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CHỨNG KHOÁN OCBS**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **424** /2025/CV-OCBS

Tp.HCM, ngày **10** tháng **07** năm 2025

### **CÔNG BỐ THÔNG TIN**

**Kính gửi: - Quý Cổ đông OCBS**

**- Quý Nhà đầu tư/ Khách hàng**

1. Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN OCBS**

- Mã thành viên: **020**

- Địa chỉ: Tầng 3, 59 Quang Trung, Hai Bà Trưng, Hà Nội

- Điện thoại liên hệ: 024 3944 5888

Fax: 024 3944 5889

2. Nội dung thông tin công bố: Ký hợp đồng quản lý tài khoản tiền gửi chuyên dụng với Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam – CN. Bình Tân như sau:

- **Thông tin tài khoản chuyên dụng:**

+ Tên tài khoản: Công ty Cổ phần Chứng khoán OCBS

+ Tài khoản số: 0106665886

+ Mở tại Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam – CN. Bình Tân

- **Ngày ký Hợp đồng quản lý tài khoản chuyên dụng: 08/07/2025**

- **Nội dung tóm lược của tài khoản tiền gửi chuyên dụng:**

(i) Nộp, chuyển tiền vào tài khoản giao dịch chứng khoán;

(ii) Rút, chuyển tiền ra khỏi tài khoản giao dịch chứng khoán;

(iii) Thanh toán giao dịch chứng khoán;

(iv) Ký quỹ giao dịch, nộp tiền đấu giá mua chứng khoán;

(v) Thanh toán thực hiện quyền mua chứng khoán;

(vi) Các trường hợp thanh toán khác của Nhà đầu tư theo yêu cầu của Nhà đầu tư và tuân thủ các quy định của pháp luật.



Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Tài liệu đính kèm**

- Bản sao Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản chuyên dụng giao dịch chứng khoán ngày 08/07/2025

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN OCBS**



**NGUYỄN ĐỨC QUÂN TÙNG**



**EXIMBANK**



**GIẤY ĐỀ NGHỊ MỞ THÊM TÀI KHOẢN KIỂM  
HỢP ĐỒNG MỞ VÀ SỬ DỤNG TÀI KHOẢN  
THANH TOÁN CHUYÊN DỤNG GIAO DỊCH  
CHỨNG KHOÁN**

(Mẫu dùng cho Công ty chứng khoán)

Số hợp đồng: 01/2025/TK.CD..EJB.BT

Kính gửi: NGÂN HÀNG TMCP XUẤT NHẬP KHẨU VIỆT NAM – CN/PGD... Bình Tân

**PHẦN DÀNH CHO KHÁCH HÀNG (Gọi là Bên A)**

**I. Nội dung mở tài khoản thanh toán chuyên dụng giao dịch chứng khoán:**

1. Tên chủ tài khoản: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN OCBS
2. Địa chỉ: Tầng 3 số 59 Phố Quang Trung, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội, Việt Nam
3. Số CIF: 103228303
4. Người đại diện hợp pháp của chủ tài khoản: NGUYỄN ĐỨC QUÂN TÙNG
5. Chúng tôi hiện đang giao dịch tại Eximbank với các tài khoản thanh toán sau:
  - ☒ VND Số TK: 172614851032173, 100335479
  - ☐ USD Số TK: .....
  - ☐ Ngoại tệ khác Số TK: .....

(Ghi cụ thể loại ngoại tệ)

6. Đề nghị Eximbank mở thêm cho chúng tôi tài khoản thanh toán chuyên dụng giao dịch chứng khoán sau:
  - ☒ VND 0406665886
  - ☐ 01 TK
  - ☐ .... TK

7. Lý do mở tài khoản thanh toán chuyên dụng giao dịch chứng khoán: Mở tài khoản chuyên dụng nhà đầu tư tại Eximbank CN Bình Tân

**II. Nội dung ủy quyền và người được ủy quyền (sử dụng khi thông tin ủy quyền đã đăng ký):**

Việc sử dụng tài khoản thanh toán chuyên dụng giao dịch chứng khoán này được thực hiện theo nội dung tại (các) “Giấy ủy quyền sử dụng tài khoản” của chúng tôi cho người được ủy quyền sau:

1. Họ và tên: .....
- Số CMND, Thẻ CCCD, Hộ chiếu còn thời hạn: .....
- Ngày cấp: ..... Nơi cấp: .....

|    |                                                                                                                                  |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|    | Giấy ủy quyền ngày:.....                                                                                                         |
| 2. | Họ và tên: .....<br>Số CMND, Thẻ CCCD, Hộ chiếu còn thời hạn: .....<br>Ngày cấp:..... Nơi cấp:.....<br>Giấy ủy quyền ngày:.....  |
| 3. | Họ và tên: .....<br>Số CMND, Thẻ CCCD, Hộ chiếu còn thời hạn: .....<br>Ngày cấp:..... Nơi cấp: .....<br>Giấy ủy quyền ngày:..... |
| 4. | Họ và tên: .....<br>Số CMND, Thẻ CCCD, Hộ chiếu còn thời hạn: .....<br>Ngày cấp:..... Nơi cấp: .....<br>Giấy ủy quyền ngày:..... |

### III. Cam kết của khách hàng:

Chúng tôi cam kết:

1. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và Eximbank về việc mở tài khoản thanh toán chuyên dụng giao dịch chứng khoán này để quản lý tiền gửi giao dịch chứng khoán của Nhà đầu tư một cách riêng biệt và tách bạch với các tài khoản khác của chúng tôi tại ngân hàng. Tài khoản thanh toán chuyên dụng giao dịch chứng khoán chỉ phục vụ cho giao dịch của Nhà đầu tư, cụ thể:
  - a) Nộp, chuyển tiền vào tài khoản giao dịch chứng khoán;
  - b) Rút, chuyển tiền ra khỏi tài khoản giao dịch chứng khoán;
  - c) Thanh toán giao dịch chứng khoán;
  - d) Ký quỹ giao dịch, nộp tiền đầu giá mua chứng khoán;
  - e) Thanh toán thực hiện quyền mua chứng khoán;
  - f) Các trường hợp thanh toán khác của Nhà đầu tư theo yêu cầu của Nhà đầu tư và tuân thủ các quy định của pháp luật.
2. Các thông tin về người đại diện hợp pháp, thông tin người được ủy quyền, nội dung ủy quyền, chữ ký của người được ủy quyền chưa có thay đổi theo Giấy đăng ký mở tài khoản thanh toán/ Giấy đề nghị mở tài khoản thanh toán kèm Hợp đồng mở, sử dụng tài khoản thanh toán và sử dụng dịch vụ ngân hàng, Giấy ủy quyền đã đăng ký tại Eximbank.
3. Có văn bản gửi Eximbank khi có bất kỳ sự thay đổi về thông tin, hồ sơ mở tài khoản hoặc mẫu dấu, mẫu chữ ký đã đăng ký sử dụng với Eximbank.
4. Thực hiện đúng các quy định của pháp luật, Eximbank về việc mở và sử dụng tài khoản thanh toán.
5. Xác nhận đã nhận được, đã đọc, hiểu rõ, đồng ý và cam kết thực hiện đúng các nội dung

trong “Giấy đề nghị mở thêm tài khoản kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán chuyên dụng giao dịch chứng khoán” này và “Điều kiện, điều khoản về mở, sử dụng tài khoản thanh toán chuyên dụng giao dịch chứng khoán” đính kèm.

6. Mẫu biểu này được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản và có giá trị pháp lý như nhau để thực hiện.

TP HCM, Ngày 08-07-2025

Người đại diện hợp pháp của chủ tài khoản

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



**PHẦN DÀNH CHO NGÂN HÀNG (Gọi là bên B)**

Ngân hàng Eximbank CN/PGD: Bình Tân

Ngày 08-07-2025

☒ Đồng ý

Chấp nhận

Cấp có thẩm quyền

ở thêm tài khoản thanh toán chuyên dụng giao dịch chứng khoán trên. Ngày hiệu lực: 08-07-2025

▪ Nội dung ủy quyền trên. Ngày hiệu lực

☐ Không đồng ý

Lý do:



## **ĐIỀU KIỆN, ĐIỀU KHOẢN VỀ MỞ, SỬ DỤNG TÀI KHOẢN THANH TOÁN CHUYÊN DỤNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN**

(Đính kèm “Giấy đề nghị mở thêm tài khoản kèm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán chuyên dụng giao dịch chứng khoán” dùng cho công ty chứng khoán)

### **Điều 1: Giải thích từ ngữ**

1. Chủ tài khoản thanh toán: là tổ chức mở tài khoản thanh toán chuyên dụng giao dịch chứng khoán. Sau đây thống nhất gọi là Bên A.
2. Eximbank: là Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam. Sau đây thống nhất gọi là Bên B.
3. Nhà đầu tư (NĐT): là tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài tham gia đầu tư trên thị trường chứng khoán và hoạt động trên thị trường chứng khoán Việt Nam, nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của Luật đầu tư.
4. Tài khoản thanh toán: là tài khoản tiền gửi không kỳ hạn của Bên A mở tại Bên B để sử dụng các dịch vụ thanh toán do Bên B cung ứng.
5. Tài khoản thanh toán chuyên dụng giao dịch chứng khoán (GDCK): là tài khoản thanh toán Việt Nam Đồng Bên A đề nghị Bên B mở để Bên A quản lý tiền gửi giao dịch chứng khoán của NĐT một cách riêng biệt và tách bạch với các tài khoản khác Bên A ngân hàng.
6. Đóng tài khoản thanh toán chuyên dụng GDCK: là việc Bên B tắt toán tài khoản thanh toán chuyên dụng GDCK, đóng hồ sơ thông tin tài khoản thanh toán chuyên dụng GDCK và số tài khoản thanh toán chuyên dụng GDCK của Bên A. Việc xử lý số dư (nếu có) khi đóng tài khoản được quy định tại điểm d, khoản 3, Điều 6 quy định này.

### **Điều 2: Nội dung mở tài khoản thanh toán chuyên dụng GDCK**

1. Bên A đề nghị bên B mở thêm tài khoản thanh toán chuyên dụng GDCK theo thông tin bên A đề nghị tại “Giấy đề nghị mở thêm tài khoản kèm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán chuyên dụng GDCK” dành cho công ty chứng khoán.
2. Bên B đồng ý mở tài khoản thanh toán chuyên dụng GDCK cho bên A và cung cấp số hiệu tài khoản thanh toán chuyên dụng GDCK cho bên A sử dụng.
3. Ngày bắt đầu hoạt động của tài khoản thanh toán chuyên dụng GDCK: mặc định là ngày bên B mở tài khoản cho bên A.
4. Phạm vi sử dụng, hạn mức giao dịch qua tài khoản thanh toán chuyên dụng GDCK của Bên A: thực hiện theo thỏa thuận giữa Bên A và Bên B.

### **Điều 3: Quyền và nghĩa vụ của Bên A**

#### **1. Quyền của Bên A:**

- a) Được sử dụng số tiền trên tài khoản thanh toán chuyên dụng GDCK của mình để thực hiện các lệnh thanh toán hợp pháp, hợp lệ; được Bên B tạo điều kiện để sử dụng tài khoản thanh toán chuyên dụng GDCK của mình thuận tiện và an toàn;
- b) Được lựa chọn sử dụng các phương tiện thanh toán, dịch vụ và tiện ích thanh toán do Bên B cung ứng;

- c) Được ủy quyền cho người khác sử dụng tài khoản thanh toán chuyên dụng GDCK theo quy định của pháp luật và quy định của Bên B về ủy quyền;
- d) Được yêu cầu Bên B thực hiện các lệnh thanh toán phát sinh hợp pháp, hợp lệ và được cung cấp thông tin về các giao dịch thanh toán, số dư trên tài khoản thanh toán chuyên dụng GDCK của mình theo thỏa thuận với Bên B;
- e) Có văn bản yêu cầu Bên B tạm khóa, đóng tài khoản thanh toán chuyên dụng GDCK khi cần thiết;
- f) Các quyền khác theo quy định của pháp luật hoặc theo thỏa thuận trước bằng văn bản giữa Bên A với Bên B không trái với quy định của pháp luật hiện hành.

## **2. Nghĩa vụ của Bên A:**

- a) Đảm bảo có đủ tiền trên tài khoản thanh toán chuyên dụng GDCK để thực hiện các lệnh thanh toán đã lập. Trường hợp có thỏa thuận thấu chi với Bên B thì phải thực hiện các nghĩa vụ liên quan khi chi trả vượt quá số dư Có trên tài khoản thanh toán chuyên dụng GDCK;
- b) Chấp hành các quy định về mở và sử dụng tài khoản thanh toán chuyên dụng GDCK theo quy định của Bên B và quy định của pháp luật;
- c) Kịp thời thông báo cho Bên B khi phát hiện thấy có sai sót, nhầm lẫn trên tài khoản thanh toán chuyên dụng GDCK của mình hoặc nghi ngờ tài khoản thanh toán chuyên dụng GDCK của mình bị lợi dụng;
- d) Hoàn trả và/hoặc phối hợp với Bên B hoàn trả các khoản tiền do sai sót, nhầm lẫn đã ghi Có vào tài khoản thanh toán chuyên dụng GDCK của mình;
- e) Cung cấp đầy đủ, rõ ràng, chính xác các thông tin liên quan đến hồ sơ đăng ký mở và sử dụng tài khoản thanh toán chuyên dụng GDCK. Thông báo kịp thời và gửi các giấy tờ liên quan cho Bên B khi có sự thay đổi về thông tin trong hồ sơ mở tài khoản thanh toán chuyên dụng GDCK, chịu trách nhiệm về những rủi ro phát sinh do không cung cấp đầy đủ, rõ ràng, chính xác, kịp thời sự thay đổi thông tin;
- f) Duy trì số dư tối thiểu trên tài khoản thanh toán chuyên dụng GDCK theo quy định của Bên B;
- g) Chịu trách nhiệm về những thiệt hại do sai sót hoặc bị lợi dụng, lừa đảo khi sử dụng dịch vụ thanh toán qua tài khoản thanh toán chuyên dụng GDCK do lỗi của mình;
- h) Phải bảo mật trong quá trình mở và sử dụng tài khoản thanh toán chuyên dụng GDCK; không được cho thuê, cho mượn hoặc cho người khác sử dụng tài khoản thanh toán chuyên dụng GDCK của mình;
- i) Không được sử dụng tài khoản thanh toán chuyên dụng GDCK để thực hiện cho các giao dịch nhằm mục đích rửa tiền, tài trợ khủng bố, lừa đảo, gian lận hoặc các hành vi vi phạm pháp luật khác;
- j) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hoặc theo thỏa thuận bằng văn bản giữa Bên A và Bên B không trái với quy định pháp luật hiện hành.
- k) Chịu trách nhiệm trước pháp luật và Bên B về việc mở tài khoản thanh toán chuyên dụng GDCK để quản lý tiền gửi giao dịch chứng khoán của NĐT một cách riêng biệt và tách bạch với các tài khoản khác của Bên A tại Bên B. Tài khoản thanh toán chuyên dụng GDCK chỉ phục vụ cho giao dịch của NĐT theo phạm vi sử dụng cụ thể:
  - (i) Nộp, chuyển tiền vào tài khoản giao dịch chứng khoán;
  - (ii) Rút, chuyển tiền ra khỏi tài khoản giao dịch chứng khoán;

- (iii) Thanh toán giao dịch chứng khoán;
- (iv) Ký quỹ giao dịch, nộp tiền đầu giá mua chứng khoán;
- (v) Thanh toán thực hiện quyền mua chứng khoán;
- (vi) Các trường hợp thanh toán khác của Nhà đầu tư theo yêu cầu của Nhà đầu tư và tuân thủ các quy định của pháp luật.

#### **Điều 4: Quyền và nghĩa vụ của Bên B**

##### **1. Quyền của Bên B**

- a) Được chủ động trích (ghi Nợ) tài khoản thanh toán chuyên dụng GDCK của Bên A trong trường hợp:
  - (i) Để thu các khoản chi phí phát sinh trong quá trình quản lý tài khoản thanh toán chuyên dụng GDCK và cung ứng các dịch vụ thanh toán theo thỏa thuận trước bằng văn bản với Bên A phù hợp quy định của pháp luật;
  - (ii) Theo yêu cầu bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc cưỡng chế thi hành quyết định về xử phạt vi phạm hành chính, quyết định thi hành án, quyết định thu thuế hoặc thực hiện các nghĩa vụ thanh toán khác theo quy định của pháp luật;
  - (iii) Để điều chỉnh các khoản mục bị hạch toán sai, hạch toán không đúng bản chất hoặc không phù hợp với nội dung sử dụng của tài khoản thanh toán chuyên dụng GDCK theo quy định của pháp luật và thông báo cho Bên A biết;
  - (iv) Khi phát hiện đã ghi Có nhầm vào tài khoản thanh toán chuyên dụng GDCK của Bên A hoặc theo yêu cầu hủy lệnh chuyển Có của tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán chuyển tiền do tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán chuyển tiền phát hiện thấy có sai sót so với lệnh thanh toán của người chuyển tiền;
  - (v) Để chi trả các khoản thanh toán thường xuyên, định kỳ theo thỏa thuận giữa Bên A với Bên B.
- b) Được từ chối thực hiện lệnh thanh toán của Bên A trong trường hợp:
  - (i) Bên A không thực hiện đầy đủ các yêu cầu về thủ tục thanh toán, lệnh thanh toán không hợp lệ, không khớp đúng với các yếu tố đã đăng ký trong hồ sơ mở tài khoản thanh toán chuyên dụng GDCK hoặc không phù hợp với các thỏa thuận giữa Bên A với Bên B;
  - (ii) Tài khoản thanh toán chuyên dụng GDCK không có đủ số dư hoặc vượt hạn mức thấu chi để thực hiện lệnh thanh toán;
  - (iii) Khi có yêu cầu bằng văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc có bằng chứng về việc giao dịch thanh toán nhằm rửa tiền, tài trợ khủng bố theo quy định của pháp luật về phòng chống rửa tiền;
  - (iv) Bên A không tuân thủ quy định của pháp luật về quản lý ngoại hối;
  - (v) Tài khoản thanh toán chuyên dụng GDCK đang bị tạm khóa, bị phong tỏa toàn bộ hoặc tài khoản thanh toán chuyên dụng GDCK đang bị đóng, tài khoản thanh toán chuyên dụng GDCK bị tạm khóa hoặc phong tỏa một phần mà phần không bị tạm khóa, phong tỏa không có đủ số dư (trừ trường hợp được thấu chi) hoặc vượt hạn mức thấu chi để thực hiện các lệnh thanh toán.
- c) Từ chối yêu cầu tạm khóa, đóng tài khoản thanh toán chuyên dụng GDCK của Bên A hoặc chưa phong tỏa tài khoản thanh toán chuyên dụng GDCK khi Bên A chưa

- hoàn thành nghĩa vụ thanh toán theo quyết định cưỡng chế của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc chưa thanh toán xong các khoản nợ phải trả cho Bên B;
- d) Trong trường hợp phát hiện Bên A vi phạm các quy định hiện hành hoặc thoả thuận đã có với Bên B, Bên A có dấu hiệu vi phạm pháp luật, Bên B có quyền không thực hiện các yêu cầu sử dụng dịch vụ thanh toán của Bên A và thông báo ngay với cấp có thẩm quyền xem xét và xử lý;
  - e) Tạm khoá/phong tỏa, đóng, chuyển đổi hoặc tắt toán số dư theo quy định của Bên B;
  - f) Được yêu cầu Bên A cung cấp thông tin có liên quan khi thực hiện dịch vụ thanh toán theo quy định;
  - g) Được quy định về số dư tối thiểu trên tài khoản thanh toán chuyên dụng GDCK và thông báo công khai, hướng dẫn cụ thể để Bên A biết;
  - h) Được quy định và áp dụng các biện pháp đảm bảo an toàn, bảo mật trong quá trình mở và sử dụng tài khoản thanh toán chuyên dụng GDCK phù hợp các quy định của pháp luật;
  - i) Các quyền khác theo quy định của pháp luật hoặc theo thỏa thuận trước bằng văn bản giữa Bên A với Bên B không trái với quy định của pháp luật hiện hành.

## **2. Nghĩa vụ của Bên B**

- a) Hướng dẫn Bên A thực hiện đúng quy định về lập hồ sơ mở tài khoản thanh toán chuyên dụng GDCK, lập chứng từ giao dịch và các quy định có liên quan trong việc sử dụng tài khoản thanh toán chuyên dụng GDCK. Bên B có trách nhiệm phát hiện và điều chỉnh kịp thời các tài khoản thanh toán chuyên dụng GDCK mở sai hoặc sử dụng chưa chính xác.
- b) Thực hiện đầy đủ, kịp thời các lệnh thanh toán, các yêu cầu sử dụng tài khoản thanh toán chuyên dụng GDCK của Bên A phù hợp với quy định và thoả thuận giữa Bên A và Bên B. Kiểm soát các lệnh thanh toán của Bên A, đảm bảo lập đúng thủ tục quy định, hợp pháp, hợp lệ và khớp đúng với các yếu tố đã đăng ký; cung ứng đầy đủ, kịp thời các loại dịch vụ, phương tiện thanh toán cần thiết phục vụ nhu cầu giao dịch của Bên A. Thực hiện lệnh thanh toán của Bên A sau khi đã kiểm tra, kiểm soát tính hợp pháp, hợp lệ của lệnh thanh toán;
- c) Lưu giữ và cập nhật đầy đủ các mẫu chữ ký, mẫu dấu (nếu có) của Bên A đã đăng ký để kiểm tra, đối chiếu trong quá trình sử dụng tài khoản thanh toán chuyên dụng GDCK;
- d) Ghi Có vào tài khoản thanh toán chuyên dụng GDCK của Bên A kịp thời các lệnh thanh toán chuyển tiền đến, nộp tiền mặt vào tài khoản thanh toán chuyên dụng GDCK; hoàn trả kịp thời các khoản tiền do sai sót, nhầm lẫn đã ghi Nợ đối với tài khoản thanh toán chuyên dụng GDCK của Bên A;
- e) Thông tin đầy đủ, kịp thời về số dư, các giao dịch phát sinh trên tài khoản thanh toán chuyên dụng GDCK và việc phong tỏa tài khoản thanh toán chuyên dụng GDCK bằng văn bản hoặc theo các hình thức đã quy định tại hợp đồng mở, sử dụng tài khoản thanh toán chuyên dụng GDCK và chịu trách nhiệm về tính chính xác đối với những thông tin mà mình cung cấp;
- f) Cập nhật kịp thời các thông tin khi có thông báo thay đổi nội dung trong hồ sơ mở tài khoản thanh toán chuyên dụng GDCK của Bên A. Bảo quản lưu trữ hồ sơ mở tài khoản thanh toán chuyên dụng GDCK và các chứng từ giao dịch qua tài khoản thanh toán chuyên dụng GDCK theo đúng quy định của pháp luật;

- g) Đảm bảo bí mật các thông tin liên quan đến tài khoản thanh toán chuyên dụng GDCK và giao dịch trên tài khoản thanh toán chuyên dụng GDCK của Bên A theo quy định của pháp luật;
- h) Chịu trách nhiệm về những thiệt hại do sai sót hoặc bị lợi dụng, lừa đảo trên tài khoản thanh toán chuyên dụng GDCK của Bên A do lỗi của Bên B;
- i) Tuân thủ quy định pháp luật phòng chống rửa tiền và tài trợ khủng bố;
- j) Xây dựng quy trình nội bộ về mở, sử dụng tài khoản thanh toán chuyên dụng GDCK và duy trì số dư tối thiểu trên tài khoản thanh toán chuyên dụng GDCK. Hướng dẫn, thông báo công khai quy định về mở và sử dụng tài khoản thanh toán chuyên dụng GDCK tại quầy giao dịch và website của Bên B để Bên A biết. Giải đáp, xử lý kịp thời các thắc mắc, khiếu nại trong quá trình mở và sử dụng tài khoản thanh toán chuyên dụng GDCK;
- k) Các nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật hoặc theo thỏa thuận bằng văn bản giữa Bên A và Bên B không trái với quy định pháp luật hiện hành.

#### **Điều 5: Sử dụng tài khoản thanh toán chuyên dụng GDCK**

1. Người đại diện theo pháp luật hoặc đại diện theo ủy quyền (gọi chung là người đại diện hợp pháp) của Bên A thay mặt Bên A thực hiện các giao dịch liên quan đến tài khoản thanh toán chuyên dụng GDCK trong phạm vi đại diện.
2. Số dư tối thiểu: Bên A phải duy trì trên tài khoản thanh toán chuyên dụng GDCK số dư tối thiểu theo quy định của Bên B trong từng thời kỳ.
3. Thực hiện giao dịch: Bên A thực hiện giao dịch tại địa điểm giao dịch của Bên B (Chi nhánh, Phòng giao dịch), qua kênh ngân hàng điện tử (E-Banking) của bên B cung cấp để thực hiện các giao dịch liên quan đến tài khoản thanh toán chuyên dụng GDCK theo quy định của Bên B.
4. Lãi suất: Bên A hưởng lãi trên số dư Có theo mức lãi suất tiền gửi không kỳ hạn do Bên B công bố trong từng thời kỳ.
5. Phí quản lý tài khoản thanh toán chuyên dụng GDCK, phí giao dịch tài khoản thanh toán chuyên dụng GDCK và các khoản phí liên quan khác: theo biểu phí do Bên B công bố theo từng thời kỳ hoặc theo thỏa thuận giữa Bên B với Bên A.

Khi Bên B thay đổi các loại phí, mức phí; Bên B thông báo cho Bên A bằng một trong các hình thức: gửi thư (hoặc thư điện tử) theo địa chỉ đăng ký với Bên B hoặc công bố trên Website của Bên B hoặc thông báo bằng các phương tiện truyền thông đại chúng hoặc niêm yết tại các điểm giao dịch của Bên B hoặc bất cứ phương thức nào do Bên B quyết định.

6. Cung cấp thông tin về tài khoản thanh toán chuyên dụng GDCK: Bên B cung cấp đầy đủ thông tin liên quan đến tài khoản thanh toán chuyên dụng GDCK theo đúng thời gian và hình thức đã thỏa thuận với Bên A. Bên A có thể yêu cầu cung cấp thông tin đột xuất và phải thanh toán phí theo biểu phí của Bên B trong từng thời kỳ. Bên B được cung cấp thông tin cho bên thứ ba bất kỳ trên cơ sở tuân thủ quy định của pháp luật. Bên B thông báo đến Bên A theo từng hình thức phù hợp trong trường hợp tài khoản thanh toán chuyên dụng GDCK bị tạm khóa, phong tỏa và các thông tin cần thiết khác trong quá trình sử dụng tài khoản thanh toán chuyên dụng GDCK.

7. Thấu chi: Bên A có thể sử dụng hạn mức thấu chi nếu có thoả thuận thấu chi với Bên B. Hạn mức thấu chi, phí, lãi thấu chi.....thực hiện theo thoả thuận giữa Bên A và Bên B phù hợp với các quy định của Bên B.
8. Ủy quyền sử dụng tài khoản thanh toán chuyên dụng GDCK: Trong quá trình sử dụng tài khoản thanh toán chuyên dụng GDCK, Bên A được ủy quyền sử dụng tài khoản thanh toán chuyên dụng GDCK theo từng lần giao dịch hoặc có thời hạn theo thủ tục và quy định của Bên B. Việc ủy quyền sử dụng tài khoản thanh toán chuyên dụng GDCK phải bằng văn bản và được thực hiện theo quy định của pháp luật và quy định của Bên B về ủy quyền.
9. Hủy/chấm dứt ủy quyền sử dụng tài khoản thanh toán chuyên dụng GDCK: việc hủy/chấm dứt ủy quyền sử dụng tài khoản thanh toán chuyên dụng GDCK được thực hiện bởi người ủy quyền hoặc người được ủy quyền. Việc hủy/chấm dứt ủy quyền sử dụng tài khoản thanh toán chuyên dụng GDCK phải bằng văn bản và được thực hiện theo quy định của pháp luật và quy định của Bên B về ủy quyền.

#### **Điều 6. Tạm khóa, phong tỏa và đóng tài khoản thanh toán chuyên dụng GDCK**

##### **1. Tạm khóa và ngừng tạm khóa tài khoản thanh toán chuyên dụng GDCK**

- a. Bên B thực hiện tạm khóa tài khoản thanh toán chuyên dụng GDCK của Bên A (tạm dừng giao dịch) một phần hoặc toàn bộ số tiền trên tài khoản thanh toán chuyên dụng GDCK khi có văn bản yêu cầu của Bên A hoặc theo thoả thuận trước bằng văn bản giữa Bên A với Bên B, trừ các trường hợp được quy định cụ thể của Bên B.
- b. Việc chấm dứt tạm khóa tài khoản thanh toán chuyên dụng GDCK và việc xử lý các lệnh thanh toán đi, đến trong thời gian tạm khóa thực hiện theo yêu cầu của Bên A hoặc theo văn bản thỏa thuận giữa Bên A với Bên B.

##### **2. Phong tỏa tài khoản thanh toán chuyên dụng GDCK**

- a) Bên B thực hiện phong tỏa một phần hoặc toàn bộ số tiền trên tài khoản thanh toán chuyên dụng GDCK của Bên A trong các trường hợp sau:
  - (i) Có yêu cầu bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;
  - (ii) Bên B phát hiện thấy có nhầm lẫn, sai sót khi ghi Có nhầm vào tài khoản thanh toán chuyên dụng GDCK của Bên A hoặc theo yêu cầu hoàn trả lại tiền của tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán chuyển tiền do có nhầm lẫn, sai sót so với lệnh thanh toán của người chuyển tiền, số tiền bị phong tỏa trên tài khoản thanh toán chuyên dụng GDCK không vượt quá số tiền bị nhầm lẫn, sai sót;
- b) Ngay sau khi phong tỏa tài khoản thanh toán chuyên dụng GDCK, Bên B thực hiện thông báo cho Bên A biết về lý do và phạm vi phong tỏa tài khoản thanh toán chuyên dụng GDCK (bằng văn bản hoặc theo các phương thức liên hệ khác mà Bên A đăng ký với Bên B); số tiền bị phong tỏa trên tài khoản thanh toán chuyên dụng GDCK phải được bảo toàn và kiểm soát chặt chẽ theo nội dung phong tỏa. Trường hợp tài khoản thanh toán chuyên dụng GDCK bị phong tỏa một phần thì phần không bị phong tỏa vẫn được sử dụng bình thường.
- c) Bên B chấm dứt phong tỏa tài khoản thanh toán chuyên dụng GDCK khi có một trong các điều kiện sau:
  - (i) Kết thúc thời hạn phong tỏa;

- (ii) Có văn bản yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền về việc chấm dứt phong tỏa tài khoản thanh toán chuyên dụng GDCK;
  - (iii) Bên B đã xử lý xong sai sót, nhầm lẫn về chuyển tiền;
- 3. Đóng tài khoản thanh toán chuyên dụng GDCK**
- a) Bên B được quyền đóng tài khoản thanh toán chuyên dụng GDCK của Bên A trong trường hợp sau:
    - (i) Có văn bản yêu cầu đóng tài khoản thanh toán chuyên dụng GDCK của Bên A và Bên A đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ liên quan đến tài khoản thanh toán chuyên dụng GDCK;
    - (ii) Tổ chức có tài khoản thanh toán chuyên dụng GDCK chấm dứt hoạt động theo quy định của pháp luật;
    - (iii) Bên A vi phạm cam kết hoặc các thỏa thuận tại “Điều kiện, điều khoản mở và sử dụng tài khoản thanh toán chuyên dụng GDCK”;
    - (iv) Khi Bên B phát hiện tài khoản thanh toán chuyên dụng GDCK được mở vi phạm các quy định về mở và sử dụng tài khoản thanh toán chuyên dụng GDCK theo quy định của pháp luật và quy định của Bên B. Trong trường hợp này, quyết định đóng tài khoản thanh toán chuyên dụng GDCK và cách thức xử lý số dư còn lại trên tài khoản thanh toán chuyên dụng GDCK được Bên B thông báo trước cho Bên A;
    - (v) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
  - b) Thời hạn đối với việc đóng tài khoản thanh toán chuyên dụng GDCK do không duy trì đủ số dư tối thiểu và không phát sinh giao dịch trong thời gian dài; thời hạn thông báo cho Bên A trước khi đóng tài khoản và các vấn đề cụ thể khác liên quan đến việc đóng tài khoản thanh toán chuyên dụng GDCK trong trường hợp này do Bên B quy định và thông báo công khai cho Bên A từng thời kỳ;
  - c) Khi đóng tài khoản, Bên A phải nộp trả Bên B bảng kê kèm toàn bộ séc và giấy tờ in quan trọng chưa sử dụng do Bên B đã nhượng bán cho Bên A; Trường hợp bên A không nộp các chứng từ này cho bên B thì bên A phải thông báo tình trạng đã mất cho bên B để bên B thực hiện cập nhật tình trạng của các chứng từ này trên hệ thống quản lý thông tin của bên B.
  - d) Số dư còn lại sau khi đóng tài khoản thanh toán chuyên dụng GDCK được xử lý như sau:
    - (i) Thanh toán phí đóng tài khoản thanh toán chuyên dụng GDCK và các khoản phí liên quan khác theo biểu phí của Bên B;
    - (ii) Chi trả theo yêu cầu của Bên A;
    - (iii) Chi trả theo quyết định của tòa án;
    - (iv) Bên B xử lý theo quy định của pháp luật đối với trường hợp người thụ hưởng hợp pháp số dư trên tài khoản đã được thông báo mà không đến nhận hoặc theo thỏa thuận trước bằng văn bản với Bên A, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.
  - e) Sau khi đóng tài khoản thanh toán chuyên dụng GDCK, Bên B hủy bỏ số tài khoản thanh toán chuyên dụng GDCK của Bên A. Trường hợp Bên A muốn tiếp tục sử dụng các dịch vụ về tài khoản thanh toán chuyên dụng GDCK của bên B thì phải làm thủ tục để mở tài khoản thanh toán chuyên dụng GDCK mới theo quy định của Bên B.

**Điều 7: Tiếp nhận, xử lý tra soát, khiếu nại**

1. Bên B thực hiện tiếp nhận đề nghị tra soát, khiếu nại của Bên A trong quá trình sử dụng tài khoản thanh toán chuyên dụng GDCK, đảm bảo xác thực những thông tin cơ bản mà Bên A cung cấp cho Bên B tuân thủ các nguyên tắc sau:
  - a) Hình thức tiếp nhận: qua tổng đài điện thoại có ghi âm và qua các Chi nhánh/Phòng giao dịch của Bên B;
  - b) Bên A sử dụng giấy đề nghị tra soát, khiếu nại theo mẫu của Bên B trong trường hợp khiếu nại bằng văn bản;
  - c) Ngoại trừ trường hợp hai bên có thỏa thuận khác tại hợp đồng hợp tác dịch vụ thu chi hộ chứng khoán, thời hạn Bên A được quyền đề nghị tra soát, khiếu nại là không ít hơn 60 ngày kể từ ngày phát sinh giao dịch đề nghị tra soát, khiếu nại.
  - d) Trường hợp ủy quyền cho người khác đề nghị tra soát, khiếu nại, Bên A thực hiện theo quy định của pháp luật về ủy quyền;
2. Thời hạn xử lý tra soát, khiếu nại:

Ngoại trừ trường hợp hai bên có thỏa thuận khác tại hợp đồng hợp tác dịch vụ thu chi hộ chứng khoán, thời hạn xử lý tra soát, khiếu nại được thực hiện như sau:

- a) Bên B xử lý tra soát, khiếu nại của Bên A trong thời hạn tối đa 30 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận tra soát, khiếu nại lần đầu của Bên A theo một trong các hình thức tiếp nhận quy định tại khoản 1 Điều này;
  - b) Trong thời hạn tối đa 05 ngày làm việc kể từ ngày thông báo kết quả tra soát, khiếu nại cho Bên A, Chi nhánh/Phòng giao dịch của Bên B thực hiện bồi hoàn tổn thất (nếu có) cho Bên A theo thỏa thuận và quy định của pháp luật hiện hành đối với những tổn thất phát sinh không do lỗi của Bên A và/hoặc không thuộc các trường hợp bất khả kháng theo thỏa thuận về “Điều kiện, điều khoản về mở, sử dụng tài khoản thanh toán chuyên dụng GDCK”;
  - c) Trong trường hợp hết thời hạn xử lý tra soát, khiếu nại nói trên mà chưa xác định được nguyên nhân hay lỗi thuộc Bên nào thì trong vòng 15 ngày làm việc tiếp theo, Chi nhánh/Phòng giao dịch của Bên B thỏa thuận với Bên A về phương án xử lý tra soát, khiếu nại;
  - d) Các trường hợp khác được thực hiện theo quy định của NHNN, pháp luật về xử lý tra soát, khiếu nại trong quá trình sử dụng tài khoản thanh toán chuyên dụng GDCK.
3. Trường hợp vụ việc có dấu hiệu tội phạm, Bên B báo cáo vụ việc cho cấp có thẩm quyền của Bên B trước khi thực hiện thông báo cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về tố tụng hình sự và báo cáo Ngân hàng Nhà nước (Vụ Thanh toán, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố trên địa bàn); đồng thời, thông báo bằng văn bản cho Bên A về tình trạng xử lý đề nghị tra soát, khiếu nại.

Việc xử lý kết quả tra soát, khiếu nại thuộc trách nhiệm giải quyết của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Trong trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền thông báo kết quả giải quyết không có yếu tố tội phạm, trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày có kết luận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Bên B thỏa thuận với Bên A về phương án xử lý kết quả tra soát, khiếu nại.

4. Trường hợp Bên A, Bên B và các bên liên quan không thỏa thuận được và/hoặc không đồng ý với quá trình đề nghị tra soát, khiếu nại thì việc giải quyết tranh chấp được thực hiện theo quy định của pháp luật.
5. Bên B được miễn trách nhiệm bồi hoàn tổn thất cho Bên A trong các trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật, bao gồm nhưng không giới hạn bởi: thiên tai, địch họa, chiến tranh,...

#### **Điều 8: Giải quyết tranh chấp**

Nếu có bất kỳ tranh chấp nào phát sinh liên quan đến mở, sử dụng và quản lý tài khoản thanh toán chuyên dụng GDCK thì Bên A và Bên B trước hết sẽ cùng nhau giải quyết thông qua thương lượng, hoà giải. Trong trường hợp thương lượng, hoà giải không thành, Bên A hoặc Bên B có quyền đưa tranh chấp đó ra toà án có thẩm quyền tại Việt Nam để giải quyết.

#### **Điều 9: Điều khoản thực hiện**

1. “Điều kiện, điều khoản mở và sử dụng tài khoản thanh toán chuyên dụng GDCK” này sẽ được đính kèm trên “Giấy đề nghị mở thêm tài khoản kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán chuyên dụng GDCK” dành cho công ty chứng khoán, có hiệu lực từ ngày bắt đầu hoạt động của tài khoản thanh toán chuyên dụng GDCK cho đến khi chấm dứt việc sử dụng tài khoản thanh toán chuyên dụng GDCK của Bên A tại Bên B (do yêu cầu của Bên A/ Bên B/ Cơ quan có thẩm quyền hoặc các trường hợp khác theo quy định của pháp luật).
2. Bên A phải xác nhận rằng đã đọc, hiểu rõ, đồng ý và cam kết thực hiện đúng các nội dung trong các quy định có liên quan của Bên B và quy định hiện hành của pháp luật trên “Giấy đề nghị mở thêm tài khoản kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán chuyên dụng GDCK” dành cho công ty chứng khoán.

-----//-----